

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III năm 2013

HÀ NỘI - NĂM 2013

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	01-03
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	04-05
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	06-07
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	08-33

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2013	01/01/2013
			VND	(Trình bày lại) VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.276.948.173.146</b>	<b>3.104.309.339.000</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	217.645.167.128	704.858.745.045
111	1. Tiền		147.142.421.199	195.370.729.769
112	2. Các khoản tương đương tiền		70.502.745.929	509.488.015.276
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	378.578.202.300	285.560.482.300
121	1. Đầu tư ngắn hạn		393.628.876.200	300.611.156.200
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(15.050.673.900)	(15.050.673.900)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.386.625.695.426	931.631.508.720
131	1. Phải thu của khách hàng		1.286.472.763.065	853.255.780.739
132	2. Trả trước cho người bán		107.070.405.582	66.199.038.973
135	5. Các khoản phải thu khác	6	28.318.257.188	41.511.679.095
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(35.235.730.409)	(29.334.990.087)
140	IV. Hàng tồn kho	7	1.245.290.478.919	1.135.007.713.906
141	1. Hàng tồn kho		1.248.823.920.296	1.136.028.670.878
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.533.441.377)	(1.020.956.972)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		48.808.629.373	47.250.889.029
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		11.664.988.823	2.219.182.535
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		17.756.088.885	4.879.463.804
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		474.432.875	740.534.207
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	18.913.118.790	39.411.708.483
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.615.558.390.390</b>	<b>1.477.089.112.130</b>
220	II. Tài sản cố định		886.158.954.094	885.427.181.270
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	639.675.475.072	566.745.406.777
222	- Nguyên giá		1.359.190.536.054	1.233.730.302.453
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(719.515.060.982)	(666.984.895.676)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	75.605.734.672	77.616.811.450
228	- Nguyên giá		83.777.511.230	84.890.439.589
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.171.776.558)	(7.273.628.139)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	170.877.744.350	241.064.963.043
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	599.327.732.922	490.192.790.668
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		587.601.828.997	476.234.730.612
258	3. Đầu tư dài hạn khác		13.336.558.445	15.251.234.056
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.610.654.520)	(1.293.174.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		130.071.703.374	101.469.140.192
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	117.379.668.315	88.105.685.024
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		4.625.987.059	5.297.407.168
268	3. Tài sản dài hạn khác		8.066.048.000	8.066.048.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.892.506.563.536</b>	<b>4.581.398.451.130</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

(tiếp theo)

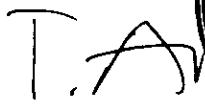
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2013	01/01/2013
			VND	(Trình bày lại) VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.415.747.529.816</b>	<b>2.283.457.724.055</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.301.130.163.620</b>	<b>2.149.566.836.975</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	916.153.333.350	688.699.030.522
312	2. Phải trả người bán		692.473.526.026	433.798.270.509
313	3. Người mua trả tiền trước		71.775.500.134	49.258.837.513
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	51.689.141.619	44.925.091.979
315	5. Phải trả người lao động		99.363.425.787	101.652.109.640
316	6. Chi phí phải trả	16	54.867.439.601	139.730.740.966
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	364.282.659.199	649.296.208.202
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		14.988.606.456	13.224.478.061
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		35.536.531.448	28.982.069.583
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>114.617.366.196</b>	<b>133.890.887.080</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác		4.235.633.992	3.885.633.992
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	58.038.638.368	64.617.030.832
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		495.237.785	597.187.533
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	9.741.363.900
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		30.098.239.289	30.098.239.289
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		15.817.116.762	18.951.431.534
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		5.932.500.000	6.000.000.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.038.416.994.824</b>	<b>1.876.158.431.087</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>2.033.529.035.588</b>	<b>1.869.047.963.863</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		47.513.826.624	-
414	4. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		819.607.405	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		30.075.806.000	22.410.998.710
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		34.504.658.743	25.739.990.783
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		186.096.715	216.005.400
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		525.454.040.101	420.680.968.970
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>4.887.959.236</b>	<b>7.110.467.224</b>
432	1. Nguồn kinh phí		3.723.896.773	6.427.550.000
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		1.164.062.463	682.917.224
<b>439</b>	<b>C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỎ</b>		<b>438.342.038.896</b>	<b>421.782.295.988</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.892.506.563.536</b>	<b>4.581.398.451.130</b>

## **CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

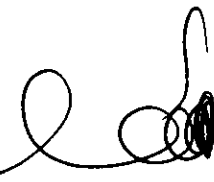
<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/09/2013</b>	<b>01/01/2013 (Trình bày lại)</b>
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	182.185.560
4. Nợ khó đòi đã xử lý		9.630.621.748	9.630.621.748
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		187.182,27	1.098.102,79
- Đồng Bảng Anh (GBP)		196,59	196,59
- Đồng Krone Đan Mạch (DKK)		1.923,55	1.923,55
- Đồng Euro (EUR)		1.130,64	1.377,43
- Đồng đô la Úc (AUD)		2.250,00	2.250,00
- Đồng Yên nhật (JPY)		33.000,00	33.000,00



**Đoàn Thị Lan Phương**  
Người lập



**Phạm Tuấn Anh**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Tiến Vinh**  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2014

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

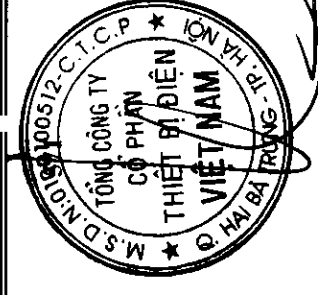
Báo cáo tài chính hợp nhất  
Quý III năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*9 tháng đầu năm 2013*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III/2013		Quý III/2012		9 tháng đầu năm 2013		9 tháng đầu năm 2012	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.871.287.997.829	2.668.867.381.998	5.202.932.816.771	5.526.031.137.949				
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		2.556.652.333	(2.403.538.868)	7.195.412.773	1.817.028.535				
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.868.731.345.496	2.671.270.920.866	5.195.737.403.998	5.524.214.109.414				
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.559.461.005.141	2.445.378.188.469	4.431.782.235.674	4.881.625.658.868				
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		309.270.340.355	225.892.732.397	763.955.168.324	642.588.450.546				
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		7.823.194.831	55.650.301.266	57.600.720.851	145.687.964.205				
22	7. Chi phí tài chính		26.207.206.076	30.475.779.926	75.198.145.886	95.333.288.652				
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		28.717.021.542	21.452.821.771	72.987.212.362	69.749.579.848				
24	8. Chi phí bán hàng		50.617.816.563	34.963.137.835	147.630.549.689	105.529.415.812				
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		95.688.744.900	53.149.466.699	221.737.658.491	161.397.412.155				
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		144.579.767.647	162.954.649.203	376.989.535.109	426.016.298.132				
31	11. Thu nhập khác		6.083.624.105	520.265.541	8.596.149.373	1.550.775.086				
32	12. Chi phí khác		3.982.306.032	4.405.852.843	5.765.705.018	4.854.207.751				
40	13. Lợi nhuận khác		2.101.318.073	(3.885.587.302)	2.830.444.355	(3.303.432.665)				
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		34.464.722.711	(23.454.694.188)	58.301.817.595	-				

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất  
Quý III năm 2013**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*9 tháng đầu năm 2013*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III/2013		Quý III/2012		9 tháng đầu năm 2013		9 tháng đầu năm 2012	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		181.145.808.431	135.614.367.713	438.121.797.059	422.712.865.467				
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	30.547.908.122	30.619.534.869	80.918.053.354	80.857.777.015				
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		7.196.769.737	(498.637.569)	7.199.721.541	-				
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		143.401.130.572	105.493.470.413	350.004.022.164	341.855.088.452				
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		43.865.568.374	25.568.485.329	86.632.959.439	66.193.264.391				
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		99.535.562.198	79.924.985.084	263.371.062.725	275.661.824.061				
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	712	1.883	1.969					


Đoàn Thị Lan Phương  
Người lậpPhạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởngNguyễn Tiến Vinh  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

9 tháng đầu năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

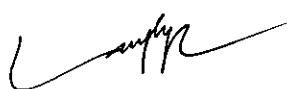
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng	9 tháng
			đầu năm 2013	đầu năm 2012
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		5.304.610.824.693	6.779.256.172.178
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(4.973.896.277.555)	(5.997.719.577.896)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(276.408.048.272)	(350.120.322.185)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(75.518.101.850)	(104.843.777.855)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(69.915.056.046)	(143.494.384.513)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		581.875.097.809	984.641.440.931
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(761.449.361.312)	(588.636.810.945)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(270.700.922.533)</b>	<b>579.082.739.715</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(115.588.734.036)	(342.695.833.403)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.238.928.182	776.839.601
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(196.016.120.000)	(415.272.514.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		122.322.200.000	120.206.942.924
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(43.294.784.404)	(8.101.553.600)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		65.220.497.630	4.701.151.170
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		59.075.945.854	182.219.365.594
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(107.042.066.774)</b>	<b>(458.165.601.714)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(5.025.000.000)	156.900.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.513.511.366.359	1.609.249.844.811
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.331.926.874.983)	(1.463.157.410.526)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(286.031.320.000)	(176.866.826.525)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(109.471.828.624)</b>	<b>(30.617.492.240)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(487.214.817.931)</b>	<b>90.299.645.761</b>



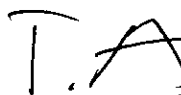
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

9 tháng đầu năm 2013  
(Theo phương pháp trực tiếp)

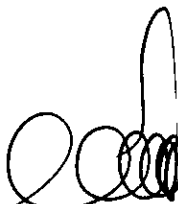
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng	9 tháng
			đầu năm 2013	đầu năm 2012
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		704.858.745.045	614.522.983.992
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.240.014	36.115.292
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>217.645.167.128</u>	<u>704.858.745.045</u>



**Đoàn Thị Lan Phương**  
Người lập



**Phạm Tuấn Anh**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Tiến Vinh**  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***9 tháng đầu năm 2013***1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở Tổng Công ty tại Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.400.000.000.000 đồng; tương đương 140.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty như sau:	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Khách sạn Bình Minh - Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Kinh doanh khách sạn

Các công ty con sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	65,09%	65,26%	Sản xuất kinh doanh dây cáp điện, khí cụ điện
Công ty CP Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	65,16%	65,16%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	81,54%	81,65%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Emic	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Khí Cụ điện 1	Thành phố Hà Nội	51,03%	51,03%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	65,02%	65,02%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý III năm 2013

Các công ty con sở hữu gián tiếp của Tổng Công ty được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	Tỉnh Đồng Nai	33,23%	51,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Liên doanh Thibidi (Cambodia)	Phnom Penh, Campuchia	34,27%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	62,61%	78,48%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Công ty CP Cơ điện Hà Nội <sup>(1)</sup>	Thành phố Hà Nội	41,55%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	43,91%	54,59%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề
Công ty TNHH Cadivi Đồng Nai <sup>(2)</sup>	Tỉnh Đồng Nai	65,09%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện

(1) Kể từ ngày 03/07/2013, Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu để sáp nhập là 1:1.

(2) Công ty do Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam sở hữu 100% vốn, chính thức đi vào hoạt động và được hợp nhất vào báo cáo tài chính Tổng Công ty từ ngày 01/07/2013.

Các công ty liên kết, liên doanh của Tổng Công ty được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/09/2013 như sau:

Các công ty liên kết:

Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari

Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội

Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD (Tổng Công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội).

Các công ty liên doanh:

Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT

Thông tin bổ sung về các công ty liên kết, công ty liên doanh của Tổng Công ty xem tại Thuyết minh số 12.

**1.2 . Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY**

**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 . Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 09 năm 2013. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Tổng Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Tổng Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

**2.4 . Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**2.5 . Góp vốn liên doanh**

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào các liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**2.6 . Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**2.7 . Bất lợi kinh doanh**

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **2.8 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.9 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.10 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **2.11 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.12 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng, phần mềm kế toán	03 - 05 năm

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn/ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn tối đa 3 năm tài chính.

**2.13 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Tổng Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**2.15 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.17 . Các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

**2.18 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, Thông báo của Hội đồng quản trị và Tổng Công ty hoàn thành việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.



**2.19 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con tại nước ngoài để hợp nhất vào báo cáo của Tổng Công ty được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của công ty con tại nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá cuối kỳ;
- Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí của công ty con tại nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch; trường hợp tỷ giá trung bình xấp xỉ tỷ giá thực tế thì tỷ giá trung bình được sử dụng để chuyển đổi các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài;
- Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con tại nước ngoài để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty phải được phân loại như là vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty cho đến khi thanh lý khoản đầu tư thuần đó.

**2.20 . Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.21 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.22 . Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**3 . ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Tổng Công ty đã được kiểm toán chưa bao gồm số liệu trên báo cáo tài chính năm 2012 của công ty con là Công ty Liên doanh Thibidi (Cambodia); các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết chưa được đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu; một số giao dịch nội bộ giữa các thành viên trong Tổng Công ty chưa được loại trừ do chưa có đủ thông tin. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chi tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 như sau:

	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm trước VND	Số liệu điều chỉnh hồi tố VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	700.702.879.219	704.858.745.045	4.155.865.826	(1)
Tiền	111	191.214.863.943	195.370.729.769	4.155.865.826	(1)
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	283.933.012.300	285.560.482.300	1.627.470.000	(1)
Đầu tư ngắn hạn	121	298.983.686.200	300.611.156.200	1.627.470.000	(1)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	955.639.420.107	931.631.508.720	(24.007.911.387)	(1)
Phải thu của khách hàng	131	845.708.849.915	853.255.780.739	7.546.930.824	(1)
Trả trước cho người bán	132	62.545.310.192	66.199.038.973	3.653.728.781	(1)
Các khoản phải thu khác	135	76.720.250.087	41.511.679.095	(35.208.570.992)	(3)
Hàng tồn kho	140	1.134.362.602.847	1.135.007.713.906	645.111.059	(1)
Hàng tồn kho	141	1.135.383.559.819	1.136.028.670.878	645.111.059	(1)
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>					
Tài sản cố định	220	845.246.170.243	885.427.181.270	40.181.011.027	(1)
Tài sản cố định hữu hình	221	550.045.841.502	566.745.406.777	16.699.565.275	(1)
Nguyên giá	222	1.217.030.737.178	1.233.730.302.453	16.699.565.275	(1)
Tài sản cố định vô hình	227	56.090.770.611	77.616.811.450	21.526.040.839	(1)
Nguyên giá	228	63.364.398.750	84.890.439.589	21.526.040.839	(1)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	239.109.558.130	241.064.963.043	1.955.404.913	(1)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	478.924.907.416	490.192.790.668	11.267.883.252	(1)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý III năm 2013

	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm trước VND	Số liệu điều chỉnh hồi tố VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)</b>					
Đầu tư vào công ty con	251	23.890.825.111	-	(23.890.825.111)	(2)
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	443.464.772.379	476.234.730.612	32.769.958.233	(1)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(3.681.924.130)	(1.293.174.000)	2.388.750.130	(1)
Tài sản dài hạn khác	260	101.318.126.153	101.469.140.192	151.014.039	(1)
Chi phí trả trước dài hạn	261	87.954.670.985	88.105.685.024	151.014.039	(1)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>4.547.378.007.314</b>	<b>4.581.398.451.130</b>	<b>34.020.443.816</b>	<b>(1,2,3)</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>2.282.714.760.961</b>	<b>2.283.457.724.055</b>	<b>742.963.094</b>	<b>(1,2,3)</b>
Nợ ngắn hạn	310	2.149.421.061.414	2.149.566.836.975	145.775.561	(1)
Phải trả người bán	312	398.498.493.316	433.798.270.509	35.299.777.193	(1)
Người mua trả tiền trước	313	49.204.268.153	49.258.837.513	54.569.360	(1)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	684.504.779.194	649.296.208.202	(35.208.570.992)	(3)
Nợ dài hạn	330	133.293.699.547	133.890.887.080	597.187.533	(2)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	597.187.533	597.187.533	(2)
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>1.836.818.892.346</b>	<b>1.876.158.431.087</b>	<b>39.339.538.741</b>	<b>(1,2,3)</b>
Vốn chủ sở hữu	410	1.829.708.425.122	1.869.047.963.863	39.339.538.741	(1)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	381.341.430.229	420.680.968.970	39.339.538.741	(1,2)
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIẾU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>427.844.354.007</b>	<b>421.782.295.988</b>	<b>(6.062.058.019)</b>	<b>(1)</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>4.547.378.007.314</b>	<b>4.581.398.451.130</b>	<b>34.020.443.816</b>	<b>(1,2,3)</b>
<b>Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán</b>					
Đồng đô la Mỹ (USD)		1.097.876,96	1.098.102,79	225,83	(1)
Đồng Bảng Anh (GBP)		-	196,59	196,59	(1)
Đồng Krone Đan Mạch		-	1.923,55	1.923,55	(1)
Đồng Euro (EUR)		1.377,43	1.377,43	-	(1)
Đồng đô la Úc (AUD)		-	2.250,00	2.250,00	(1)
Đồng Yên nhật (JPY)		33.000,00	33.000,00	-	(1)

(1) Điều chỉnh ảnh hưởng do tiến hành hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty Liên doanh Thibidi (Cambodia)

(2) Điều chỉnh ảnh hưởng do hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

(3) Điều chỉnh giao dịch nội bộ Tổng công ty và các công ty thành viên.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý III năm 2013

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	4.569.417.829	5.054.104.955
Tiền gửi ngân hàng	142.573.003.370	190.316.624.814
Các khoản tương đương tiền	70.502.745.929	509.488.015.276
	<b>217.645.167.128</b>	<b>704.858.745.045</b>

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	24.230.756.200
Đầu tư ngắn hạn khác	393.628.876.200	276.380.400.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(15.050.673.900)	(15.050.673.900)
	<b>378.578.202.300</b>	<b>285.560.482.300</b>

**Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn**

	30/09/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
<b>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</b>		<b>24.230.756.200</b>		<b>24.230.756.200</b>
Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội	1.732.091	24.230.756.200	1.732.091	24.230.756.200
<b>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng</b>		<b>349.513.000.000</b>		<b>254.210.400.000</b>
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam		285.000.000.000		230.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội		54.513.000.000		-
Công ty Liên Doanh Thibidi (Cambodia)		-		6.248.400.000
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội		-		17.962.000.000
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI		10.000.000.000		-
<b>Cho vay ngắn hạn</b>		<b>19.885.120.000</b>		<b>22.170.000.000</b>
Công ty CP Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari		12.385.120.000		10.000.000.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội		4.500.000.000		4.500.000.000
Công ty CP Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội		1.000.000.000		5.670.000.000
Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Sông Tích		2.000.000.000		2.000.000.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>		<b>(15.050.673.900)</b>		<b>(15.050.673.900)</b>
Công ty CP Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội		(15.050.673.900)		(15.050.673.900)
		<b>378.578.202.300</b>		<b>285.560.482.300</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Quý III năm 2013**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	-	6.700.000
Phải thu về người lao động	-	37.393.200
Phải thu về bảo hiểm xã hội	45.111.746	117.283.218
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	26.922.377
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	10.075.164
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	2.934.786.500	4.777.786.500
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	2.147.908.000	1.971.161.701
Phải thu quỹ khen thưởng phúc lợi chi vượt	-	4.703.340.818
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân nộp hộ người lao động	5.282.462.856	1.867.542.993
Phải thu về đóng góp xây dựng hạ tầng KCN Hoàn Sơn, Bắc Ninh	5.467.912.000	3.000.000.000
Phải thu tiền tạm ứng cổ tức cho cổ đông	-	16.206.840.000
Phải thu khác	12.440.076.086	8.786.633.124
	<b>28.318.257.188</b>	<b>41.511.679.095</b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	245.023.167.020	404.743.842.863
Công cụ, dụng cụ	9.026.531.911	2.187.051.712
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	72.967.530.170	159.774.320.038
Thành phẩm	898.887.157.414	530.371.264.361
Hàng hoá	18.228.517.179	36.595.479.951
Hàng gửi đi bán	4.691.016.602	2.356.711.953
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.533.441.377)	(1.020.956.972)
	<b>1.245.290.478.919</b>	<b>1.135.007.713.906</b>

**8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	12.286.107.800	12.715.802.269
Tài sản thiếu chờ xử lý	17.006.280	8.897.392.801
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	6.610.004.710	17.798.513.413
	<b>18.913.118.790</b>	<b>39.411.708.483</b>

**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Quý III năm 2013

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2013	474.909.936.887	640.838.516.010	88.332.499.864	29.531.299.692	118.050.000	1.233.730.302.453
Mua sắm	18.069.579.543	41.836.966.938	2.049.877.094	918.635.501	-	62.875.059.076
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	34.881.199.797	59.627.513.463	1.773.813.706	675.208.100	-	96.957.735.066
Tăng khác	203.007.521	-	25.670.445	2.442.833	-	231.120.799
Thanh lý, nhượng bán	(2.839.884.359)	(6.055.121.584)	(99.214.286)	(133.833.775)	(21.650.000)	(9.149.704.004)
Giảm khác	(2.776.634.881)	(12.515.348.442)	(2.870.390.745)	(7.275.603.268)	(16.000.000)	(25.453.977.336)
<b>Tại ngày 30/09/2013</b>	<b>522.447.204.508</b>	<b>723.732.526.385</b>	<b>89.212.256.078</b>	<b>23.718.149.083</b>	<b>80.400.000</b>	<b>1.359.190.536.054</b>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2013	203.165.899.857	398.881.812.264	51.579.923.819	13.278.384.730	78.875.006	666.984.895.676
Trích khấu hao	24.044.822.977	47.237.597.750	7.096.333.222	1.700.795.121	24.099.995	80.103.649.065
Tăng khác	-	-	-	8.974.764.665	-	8.974.764.665
Thanh lý, nhượng bán	(673.376.792)	(10.418.433.510)	(1.258.575.491)	(1.317.695.816)	(21.650.000)	(13.689.731.609)
Giảm khác	(2.188.533.673)	(15.111.591.835)	(1.052.190.518)	(4.490.200.789)	(16.000.000)	(22.858.516.815)
<b>Tại ngày 30/09/2013</b>	<b>224.348.812.369</b>	<b>420.589.384.669</b>	<b>56.365.491.032</b>	<b>18.146.047.911</b>	<b>65.325.001</b>	<b>719.515.060.982</b>
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2013	271.744.037.030	241.956.703.746	36.752.576.045	16.252.914.962	39.174.994	566.745.406.777
<b>Tại ngày 30/09/2013</b>	<b>298.098.392.139</b>	<b>303.143.141.716</b>	<b>32.846.765.046</b>	<b>5.572.101.172</b>	<b>15.074.999</b>	<b>639.675.475.072</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý III năm 2013

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2013	79.033.164.123	1.766.441.665	4.090.833.801	84.890.439.589
Tăng khác	248.336.016	146.520.000	-	394.856.016
Giảm khác	-	(65.590.000)	(1.442.194.375)	(1.507.784.375)
<b>Tại ngày 30/09/2013</b>	<b>79.281.500.139</b>	<b>1.847.371.665</b>	<b>2.648.639.426</b>	<b>83.777.511.230</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2013	4.779.016.657	1.590.241.107	904.370.375	7.273.628.139
Trích khấu hao	669.626.084	97.869.855	174.909.136	942.405.075
Giảm khác	-	(23.590.000)	(20.666.656)	(44.256.656)
<b>Tại ngày 30/09/2013</b>	<b>5.448.642.741</b>	<b>1.664.520.962</b>	<b>1.058.612.855</b>	<b>8.171.776.558</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2013	74.254.147.466	176.200.558	3.186.463.426	77.616.811.450
<b>Tại ngày 30/09/2013</b>	<b>73.832.857.398</b>	<b>182.850.703</b>	<b>1.590.026.571</b>	<b>75.605.734.672</b>

**11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>149.782.846.300</b>	<b>222.026.812.164</b>
Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	546.451.273	546.451.273
Xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành (*)	143.499.038.477	55.978.527.640
Máy tiện đứng của Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội	-	6.514.894.484
Dự án Nhà máy Cấp điện và xưởng sản xuất dây điện từ tại Tân Phú Trung của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	5.176.814.000	70.030.376.550
Dự án Nhà máy cáp Sài Gòn của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	-	88.328.000.000
Công trình khác	560.542.550	628.562.217
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>17.459.320.000</b>	<b>17.055.404.913</b>
Chi phí mua đất Khu đô thị An Phú - An Khánh	15.100.000.000	15.100.000.000
Hệ thống Máy phóng điện Cục bộ	2.344.320.000	-
Các tài sản khác	15.000.000	1.955.404.913
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>3.635.578.050</b>	<b>1.982.745.966</b>
Máy móc thiết bị của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	3.493.525.038	1.982.745.966
Các tài sản khác	142.053.012	-
	<b>170.877.744.350</b>	<b>241.064.963.043</b>

(\*) Dự án xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội với tổng mức đầu tư 443,9 tỷ đồng, thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư phát triển của Tổng Công ty, thời gian thực hiện từ quý 2 năm 2009 và dự kiến hoàn thành vào quý 2 năm 2014.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý III năm 2013

**12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>587.601.828.997</b>	<b>476.234.730.612</b>
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	20.607.671.165	20.882.507.313
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	5.884.259.089	5.920.976.978
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	112.319.012.264	97.262.616.902
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	448.790.886.479	352.168.629.419
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>13.336.558.445</b>	<b>15.251.234.056</b>
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>(1.610.654.520)</b>	<b>(1.293.174.000)</b>
	<b>599.327.732.922</b>	<b>490.192.790.668</b>

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty vào ngày 30/09/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Thành phố Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Thành phố Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	28,54%	35,00%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn

**Đầu tư vào công ty liên doanh**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Tổng Công ty vào ngày 30/09/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc

**Đầu tư dài hạn khác**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.178.670.000	2.178.670.000
Góp vốn vào Công ty CP Dây cáp điện Việt Thái	4.995.833.299	4.995.833.299
Góp vốn vào Công ty CP Công nghệ cao	1.057.011.301	1.057.011.301
Góp vốn vào Công ty CP XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	260.000.000	260.000.000
Cho vay dài hạn của Công ty CP Khí cụ điện I	1.323.993.845	913.526.445
Đầu tư dài hạn khác	3.521.050.000	5.846.193.011
	<b>13.336.558.445</b>	<b>15.251.234.056</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý III năm 2013

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	6.189.943.622	2.398.716.577
Chi phí thuê đất	55.605.279.824	56.581.113.270
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	7.089.227.211	5.403.273.707
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.053.569.029	1.804.357.257
Giá trị lợi thế kinh doanh	4.977.309.694	14.259.968.914
Chi phí trả trước dài hạn khác	42.464.338.935	7.658.255.299
	<b>117.379.668.315</b>	<b>88.105.685.024</b>

**14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>900.940.109.226</b>	<b>666.152.731.538</b>
Vay ngắn hạn	881.481.909.190	600.945.914.039
Vay đối tượng khác	19.458.200.036	65.206.817.499
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>15.213.224.124</b>	<b>22.546.298.984</b>
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh 18)	15.213.224.124	22.546.298.984
	<b>916.153.333.350</b>	<b>688.699.030.522</b>

**Chi tiết vay ngắn hạn**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa	182.081.520.037	234.528.681.966
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Nai	31.701.971.615	292.374.873
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Đồng Nai	52.665.875.017	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	26.522.782.092	12.974.210.980
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương	4.356.514.149	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương	4.656.434.518	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	75.830.066.385	88.435.764.017
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VP Hồ Chí Minh	73.897.428.909	33.130.270.403
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	73.172.961.163	129.279.961.300
Ngân hàng TMCP Quân đội	158.661.601.092	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở giao dịch 2	92.028.036.515	25.000.000.000
Ngân hàng China Trust	-	62.409.145.900
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Biên Hòa	-	14.895.504.600
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	50.794.023.157	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	55.000.000.000	-
Công đoàn Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	-	800.000.000
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	-	18.706.000.000
Công đoàn Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	-	100.000.000
Vay cá nhân	19.570.894.577	45.600.817.499
	<b>900.940.109.226</b>	<b>666.152.731.538</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý III năm 2013

**Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	-	3.420.298.984
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	-	4.938.000.000
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước	15.213.224.124	14.188.000.000
	<b>15.213.224.124</b>	<b>22.546.298.984</b>

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.201.976.265	13.844.819.246
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	644.037.474
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	36.423.558.506	25.420.561.198
Thuế Thu nhập cá nhân	151.922.823	2.386.106.196
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	13.908.529.525	2.008.079.700
Các loại thuế khác	3.154.500	621.488.165
	<b>51.689.141.619</b>	<b>44.925.091.979</b>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	4.850.000.000	4.850.000.000
Trích trước chi phí mua hàng chưa có hóa đơn	-	64.806.222.317
Chi phí lãi vay phải trả	455.193.111	974.998.090
Trích trước chi phí vận chuyển, thuê kho, phí bảo vệ, tiền ăn ca	4.840.164.299	6.328.075.144
Trích trước lãi ký quỹ và các khoản chiết khấu	36.759.733.082	48.730.391.528
Chi phí hoa hồng của Công ty CP Thiết bị điện	-	3.847.479.504
Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK	3.070.875.500	3.070.875.500
Trích trước chi phí giá vốn công trình	3.739.500.000	3.477.000.000
Chi phí phải trả khác	1.151.973.609	3.645.698.883
	<b>54.867.439.601</b>	<b>139.730.740.966</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý III năm 2013

**17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	9.301.943.268
Kinh phí công đoàn	4.132.586.695	4.727.195.309
Bảo hiểm xã hội	671.665.515	83.209.098
Bảo hiểm y tế	346.085.177	99.537.215
Bảo hiểm thất nghiệp	45.066.160	90.689.525
Phải trả về cổ phần hoá	-	113.550.911.413
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	249.531.396.282	256.943.196.179
Phải trả cổ tức cho cổ đông	28.940.000	134.267.100.000
Phải trả lãi vay	-	2.011.084.509
Đặt cọc thực hiện dự án 10 Trần Nguyễn Hãn - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
Thuế thu nhập cá nhân thu thừa của CBCNV	1.133.046.560	1.133.046.560
Phải trả, phải nộp khác	88.393.872.810	107.088.295.126
	<b><u>364.282.659.199</u></b>	<b><u>649.296.208.202</u></b>

**18 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>58.038.638.368</b>	<b>64.617.030.832</b>
Vay ngân hàng	256.664.442	7.860.341.832
Vay đối tượng khác	57.781.973.926	56.756.689.000
	<b><u>58.038.638.368</u></b>	<b><u>64.617.030.832</u></b>

**Chi tiết vay dài hạn**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	6.594.991.410
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	256.664.442	1.265.350.422
Công ty Đầu tư tài chính Việt Nam	57.781.973.926	56.756.689.000
	<b><u>58.038.638.368</u></b>	<b><u>64.617.030.832</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Quý III năm 2013

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Vốn khác của Chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>9 tháng đầu năm 2013</b>																			
Tại ngày 01/01/2013	1.400.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	22.410.998.710	25.739.990.783	216.005.400	420.680.968.970	1.869.047.963.863						
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	263.371.062.725	263.371.062.725						
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	8.211.745.437	8.829.726.213	130.268.938	(214.066.963.074)	(196.895.222.486)							
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	47.513.826.624	-	-	-	-	-	-	-	-	-	55.549.660.145	103.063.486.769						
Quy đổi báo cáo công ty con ở nước ngoài	-	-	-	819.607.405	-	-	-	-	-	-	-	-	819.607.405						
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(5.025.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(5.025.000.000)						
Giảm khác	-	-	-	-	(546.938.147)	(65.058.253)	-	-	-	-	(160.177.623)	(80.688.665)	(852.862.688)						
<b>Tại ngày 30/09/2013</b>	<b>1.400.000.000.000</b>	<b>47.513.826.624</b>	<b>(5.025.000.000)</b>	<b>819.607.405</b>	<b>30.075.806.000</b>	<b>34.504.658.743</b>	<b>186.096.715</b>	<b>525.454.040.101</b>	<b>2.033.529.035.588</b>										

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 45/TBĐVN/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 4 năm 2013, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm trước như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng	100,00%	179.038.035.228
Trích Quỹ dự phòng tài chính	1,12%	2.000.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,35%	6.000.000.000
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành (0,5% lợi nhuận sau thuế)	0,50%	895.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	93,83%	168.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	1,20%	2.143.035.228

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Quý III năm 2013

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	30/09/2013	Tỷ lệ	01/01/2013
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của Nhà nước	87,17%	1.220.448.000.000	87,17%	1.220.448.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	12,83%	179.552.000.000	12,83%	179.552.000.000
	<b>100%</b>	<b>1.400.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.400.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	9 tháng đầu năm 2013	9 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	168.000.000.000	154.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	168.000.000.000	154.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	30/09/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	140.000.000	140.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	500.000	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	500.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	139.500.000	140.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	139.500.000	140.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ Tổng Công ty**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	30.075.806.000	22.410.998.710
Quỹ dự phòng tài chính	34.504.658.743	25.739.990.783
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	186.096.715	216.005.400
	<b>64.766.561.458</b>	<b>48.366.994.893</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Quý III năm 2013**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý III/2013 VND	Quý III/2012 VND	9 tháng đầu năm 2013 VND	9 tháng đầu năm 2012 VND
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa, vật tư	1.857.415.407.100	2.643.746.264.872	5.123.112.626.457	5.452.145.038.469
Doanh thu cung cấp dịch vụ, hợp đồng xây dựng	13.872.590.729	25.090.167.533	79.820.190.314	73.293.999.887
Doanh thu khác	-	30.949.593	-	592.099.593
	<b><u>1.871.287.997.829</u></b>	<b><u>2.668.867.381.998</u></b>	<b><u>5.202.932.816.771</u></b>	<b><u>5.526.031.137.949</u></b>

**21 . DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý III/2013 VND	Quý III/2012 VND	9 tháng đầu năm 2013 VND	9 tháng đầu năm 2012 VND
Doanh thu thuận về bán thành phẩm, hàng hóa, vật tư	1.854.711.773.847	2.646.149.803.740	5.115.917.213.684	5.450.328.009.934
Doanh thu thuận về cung cấp dịch vụ, hợp đồng xây dựng	13.872.590.729	25.090.167.533	79.820.190.314	73.293.999.887
Doanh thu khác	-	30.949.593	-	592.099.593
	<b><u>1.868.584.364.576</u></b>	<b><u>2.671.270.920.866</u></b>	<b><u>5.195.737.403.998</u></b>	<b><u>5.524.214.109.414</u></b>

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý III/2013 VND	Quý III/2012 VND	9 tháng đầu năm 2013 VND	9 tháng đầu năm 2012 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, vật tư đã bán	1.545.019.746.817	2.427.252.773.667	4.377.633.566.808	4.832.651.705.170
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp, hợp đồng xây dựng	14.441.258.324	18.125.414.802	54.148.668.866	48.973.953.698
	<b><u>1.559.461.005.141</u></b>	<b><u>2.445.378.188.469</u></b>	<b><u>4.431.782.235.674</u></b>	<b><u>4.881.625.658.868</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất  
Quý III năm 2013**23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**  
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý III/2013 VND	Quý III/2012 VND	9 tháng đầu năm 2013 VND	9 tháng đầu năm 2012 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	30.547.908.122	30.619.534.869	80.918.053.354	80.857.777.015
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>30.547.908.122</b>	<b>30.619.534.869</b>	<b>80.918.053.354</b>	<b>80.857.777.015</b>

**24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý III/2013 VND	Quý III/2012 VND	9 tháng đầu năm 2013 VND	9 tháng đầu năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	99.535.562.198	79.924.985.084	263.371.062.725	275.661.824.061
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	99.535.562.198	79.924.985.084	263.371.062.725	275.661.824.061
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	139.875.166	140.000.000	139.875.166	140.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>712</b>	<b>571</b>	<b>1.883</b>	<b>1.969</b>



**25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/09/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	217.645.167.128	-	704.858.745.045	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.314.791.020.253	(35.235.730.409)	894.767.459.834	(29.334.990.087)
Đầu tư ngắn hạn	393.628.876.200	(15.050.673.900)	300.611.156.200	(15.050.673.900)
Đầu tư dài hạn	13.336.558.445	(1.610.654.520)	15.251.234.056	(1.293.174.000)
	<b><u>1.939.401.622.026</u></b>	<b><u>(51.897.058.829)</u></b>	<b><u>1.915.488.595.135</u></b>	<b><u>(45.678.837.987)</u></b>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/09/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			974.191.971.718	753.316.061.354
Phải trả người bán, phải trả khác			1.060.991.819.217	1.086.980.112.703
Chi phí phải trả			54.867.439.601	139.730.740.966
			<b><u>2.090.051.230.536</u></b>	<b><u>1.980.026.915.023</u></b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/09/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	217.645.167.128	-	-	217.645.167.128
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.279.555.289.844	-	-	1.279.555.289.844
Đầu tư ngắn hạn	378.578.202.300	-	-	378.578.202.300
Đầu tư dài hạn	-	11.725.903.925	-	11.725.903.925
	<b><u>1.875.778.659.272</u></b>	<b><u>11.725.903.925</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.887.504.563.197</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	704.858.745.045	-	-	704.858.745.045
Phải thu khách hàng, phải thu khác	865.432.469.747	-	-	865.432.469.747
Đầu tư ngắn hạn	285.560.482.300	-	-	285.560.482.300
Đầu tư dài hạn	-	13.958.060.056	-	13.958.060.056
	<b><u>1.855.851.697.092</u></b>	<b><u>13.958.060.056</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.869.809.757.148</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý III năm 2013

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/09/2013</b>				
Vay và nợ	916.153.333.350	58.038.638.368	-	974.191.971.718
Phải trả người bán, phải trả khác	1.056.756.185.225	4.235.633.992	-	1.060.991.819.217
Chi phí phải trả	54.867.439.601	-	-	54.867.439.601
	<u>2.027.776.958.176</u>	<u>62.274.272.360</u>	<u>-</u>	<u>2.090.051.230.536</u>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Vay và nợ	688.699.030.522	64.617.030.832	-	753.316.061.354
Phải trả người bán, phải trả khác	1.083.094.478.711	3.885.633.992	-	1.086.980.112.703
Chi phí phải trả	139.730.740.966	-	-	139.730.740.966
	<u>1.911.524.250.199</u>	<u>68.502.664.824</u>	<u>-</u>	<u>1.980.026.915.023</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**27 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Kiểm toán ASC kiểm toán. Số liệu này đã được điều chỉnh hồi tố như đã trình bày tại thuyết minh số 3. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu năm 2012 do Tổng Công ty lập



**Đoàn Thị Lan Phương**  
Người lập



**Phạm Tuấn Anh**  
Kế toán trưởng




**Nguyễn Tiến Vinh**  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2014